

Tonicalcium®

NGƯỜI LỚN: ống dễ bẻ 10 ml

TRẺ EM: ống dễ bẻ 5 ml

Dung dịch uống trong ống

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

THÀNH PHẦN	ống 10 ml	ống 5 ml
Calci ascorbat	500 mg	250 mg
DL-Lysin ascorbat	500 mg	250 mg
<i>Tá dược: propyl gallat, methyl parahydroxybenzoat (E 218), propyl parahydroxybenzoat (E 216), sorbitol, dung dịch sucrose, glycerol, cao phức bòn từ quả lý chua, nước tinh khiết vừa đủ 1 ống.</i>		
Hàm lượng acid ascorbic (Vitamin C): 362.2 mg cho ống 5 ml và 724.4 mg cho ống 10 ml.		

DẠNG BẢO CHẾ - QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Dung dịch uống trong ống.

Hộp 20 ống 5 ml (trẻ em) hoặc 10 ml (người lớn).

CHỈ ĐỊNH

Điều trị hỗ trợ suy nhược chức năng thường là các rối loạn tổng trạng: suy nhược cơ thể, sụt cân, chán ăn, mệt mỏi, lao lực, thời kỳ dưỡng bệnh ...

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

Người lớn: uống 2 ống 10 ml mỗi ngày.

Trẻ em trên 6 tuổi: uống 2 ống 5 ml mỗi ngày.

Lắc ống trước khi dùng. Pha thuốc trong ống với một ít nước và nên uống trước bữa ăn.

Thời gian điều trị không quá 4 tuần.

Cách bẻ ống thuốc: cầm ống thẳng đứng và bẻ đầu ống phía trên. Quay ngược ống lại trên ly và cầm nghiêng để đầu ống kia ngoài miệng ly. Bẻ đầu ống này để thuốc chảy vào ly.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Thuốc này không được dùng trong các trường hợp sau:

- Tiền sử dị ứng với một trong các thành phần của thuốc, nhất là với methyl hay propyl para-hydroxybenzoat;
- Hàm lượng calci trong máu hoặc trong nước tiểu cao bất thường;
- Tích tụ calci trong mô;
- Sỏi thận (do sự hiện diện của calci và cũng do dùng vitamin C liều cao (trên 1 g)).

THẬN TRỌNG KHI DÙNG

Do có chứa vitamin C, tránh dùng sau 4 giờ chiều.

Lượng calci trong mỗi ống: 25,6 mg/ống 5 ml hay 51,2 mg/ống 10 ml.

Trong trường hợp bệnh nhân theo chế độ ăn ít đường hay bị bệnh tiểu đường, cần tính lượng đường có trong mỗi ống (1,75 g/ống 5 ml hay 3,5 g/ống 10 ml) vào khẩu phần ăn hàng ngày.

TƯƠNG TÁC THUỐC VÀ CÁC TƯƠNG TÁC KHÁC

Đặc biệt trong trường hợp kết hợp với vitamin D:

Kết hợp cần thận trọng:

- Các cycline: làm giảm hấp thu các cycline. Nên dùng các muối calci cách xa các cycline (trên 2 giờ nếu có thể).
- Các digitalis: nguy cơ bị rối loạn nhịp tim. Nên theo dõi lâm sàng, và nếu cần, kiểm tra ECG và nồng độ calci huyết.
- Các diphosphat: Nguy cơ giảm hấp thu diphosphat qua đường tiêu hoá. Nên dùng các muối calci cách xa các diphosphat (trên 2 giờ nếu có thể).

Kết hợp cần chú ý:

- Thuốc lợi tiểu thiazid: nguy cơ bị tăng calci huyết do giảm thải trừ calci trong nước tiểu.

PHỤ NỮ MANG THAI VÀ CHO CON BÚ

Trên lâm sàng, cho đến nay không thấy dị dạng hay độc tính bào thai.

Thiếu dữ liệu về việc thuốc qua sữa mẹ.

Do thận trọng, chỉ dùng thuốc này trong thời kỳ mang thai và cho con bú khi cần thiết.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Dùng vitamin C liều cao (trên 1 g) có thể gây sỏi thận và có thể làm tăng tiêu huyết (tiêu huỷ các hồng cầu) ở bệnh nhân thiếu G6PD.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng khi quá liều calci: Khát, khát nhiều, đa niệu, mất nước, nôn ói, táo bón, tăng huyết áp, rối loạn vận mạch. Việc tăng trưởng ở trẻ em và trẻ nhỏ có thể bị ngừng lại trước khi xuất hiện những dấu hiệu này.

Điều trị: Ngưng dùng calci. Bù nước. Tùy theo mức độ quá liều, có thể dùng hoặc không dùng kết hợp với các thuốc lợi tiểu, corticosteroid, calcitonin, thậm chí phân phúc mạc.

BẢO QUẢN - HẠN DÙNG

Dung dịch có thể đậm màu hơn, có thể có ít cặn trong ống do sự kết tủa của chất tạo hương và có áp suất lúc bẻ. Điều này không phải là dấu hiệu của sự biến đổi thuốc và không làm giảm hiệu quả của thuốc.

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 30°C.

Để xa tầm tay trẻ em.

Không dùng quá ngày hết hạn dùng ghi trên bao bì.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Dung dịch uống, không được tiêm.

CHỦ SỞ HỮU SẢN PHẨM VÀ CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT XƯỞNG

BOUCHARA-RECORDATI

68, rue Marjolin - 92300 LEVALLOIS-PERRET - PHÁP

Nơi sản xuất thành phẩm

SOPHARTEX - 21 rue du Pressoir, 28500 Vernouillet - FRANCE